TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v "Ly hôn giữa bà Huệ với ông Thọ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Đạo
Ông Đặng Hoàng Mích

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trương H,** sinh năm 1976 **(Vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh E

- *Bị đơn:* **Lê T,** sinh năm 1970 **(Có mặt)**

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/4/2023, bản tự khai ngày 07/7/2023 và bản hòa giải ngày 16/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương H với ông Lê T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai vào năm 1996. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 04 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng giữa bà Huệ với ông Thọ không còn, nên bà yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Quế H, sinh ngày 27/6/1996 và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 30/4/2004. Hiện nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn bản tự khai ngày 16/8/2023 và bản hòa giải ngày 16/8/2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn Lê T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Thọ thống nhất với phần trình bày của bà Huệ, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn ông xác định là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không ai nhường ai nên càng ngày càng nặng và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay qua yêu cầu ly hôn của bà Huệ thì ông không đồng ý ly hôn do vợ chồng ông đã lớn tuổi, nên ông không muốn ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Quế H, sinh ngày 27/6/1996 và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 30/4/2004. Hiện nay các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Trương H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Huệ là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Huệ và ông Thọ cưới nhau vào năm 1995 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai vào năm 1996 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huệ và ông Thọ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay, bà Huệ yêu cầu ly hôn, ông Thọ không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà Huệ và ông Thọ thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau về kinh tế gia đình, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2020 cho đến nay. Hiện tại bà và ông đã ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau cho thấy hôn nhân giữa bà Huệ và ông Thọ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu

cầu ly hôn của bà Trương H đối với ông Lê T là phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Quế H, sinh ngày 27/6/1996 và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 30/4/2004, hiện nay các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Hai bên thống nhất khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[5] Về nợ chung: Hai bên thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107bLuật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương H đối với ông Lê T. Cho ly hôn giữa bà Trương H và ông Lê T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương H và ông Lê T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Quế H, sinh ngày 27/6/1996 và Lê Thị Minh T1, sinh ngày 30/4/2004, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huệ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004859 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Như vậy, bà Trương H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự ông Lê T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười

lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trương H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND Thị trấn B
(Số 30, ngày 20/5/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương